CTCP Phân lân Ninh Bình (HNX: NFC)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	15,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.4%	**14.6%**	**-5.0%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,649 - 17,146
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	236
Số lượng CPLH (CP)	15,731,260
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.73)
EPS	2,264
P/E	6.6

Tỷ suất lợi nhuận

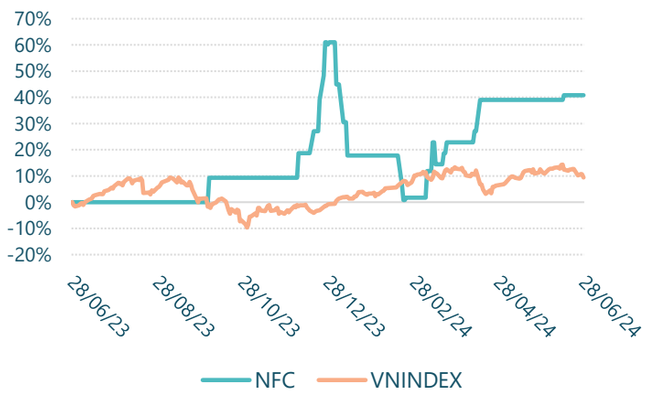

Doanh thu thuần

Q2/24

296

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.0 | 5.8%

YoY: ▲ 62.0 | 26.6%

Nợ/VCSH

Q2/24

41.2%

YoY: +/-▲ 15.1%

LN gộp

Q2/24

56.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.8 | 35.8%

YoY: ▲ 23.6 | 72.3%

ROE (TTM)

Q2/24

18.0%

YoY: +/-▲ 3.4%

LN trước thuế

Q2/24

20.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.10 | 53.8%

YoY: ▲ 7.40 | 57.3%

ROA (TTM)

Q2/24

12.7%

YoY: +/-▲ 1.5%

Kết quả kinh doanh Q2/24

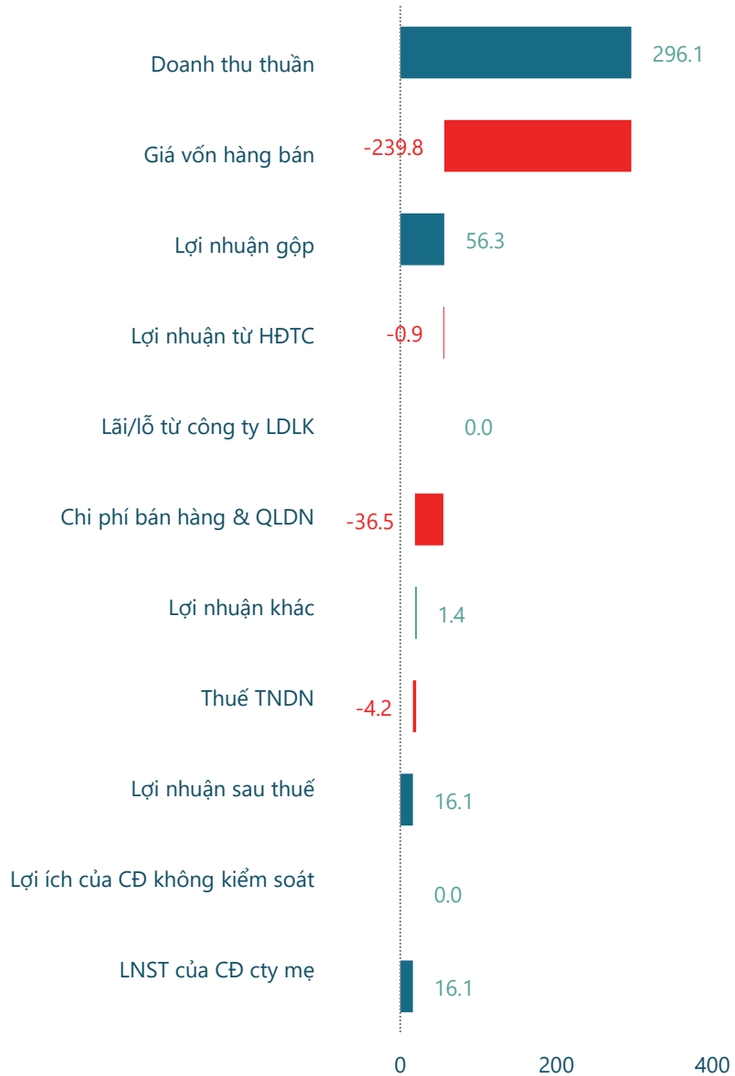

CTCP Phân lân Ninh Bình (HNX: NFC)

FireAnt

Kết quả kinh doanh

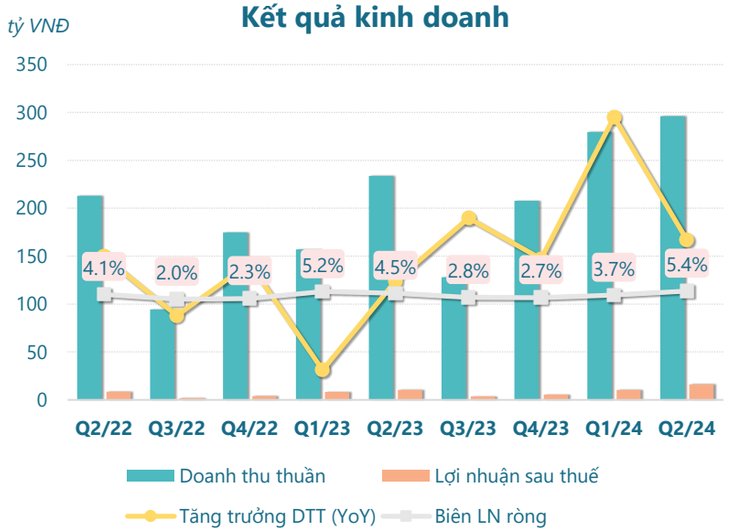

Kết quả kinh doanh của **NFC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **296.1 tỷ đồng** tăng thêm **26.7%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 16.08 tỷ đồng**, **tăng trưởng 52.6%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **576.0 tỷ đồng** cao hơn 47.3% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 26.00 tỷ đồng** cao hơn 36.8% so với cùng kỳ năm trước.

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 18.93 tỷ đồng**, tăng thêm 57.6% so với kỳ trước và cao hơn 62.8% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.95 tỷ đồng** tăng thêm 0.23 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.32 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 1.36 tỷ đồng**, tăng thêm 12.4% so với kỳ trước và cao hơn 10.6% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

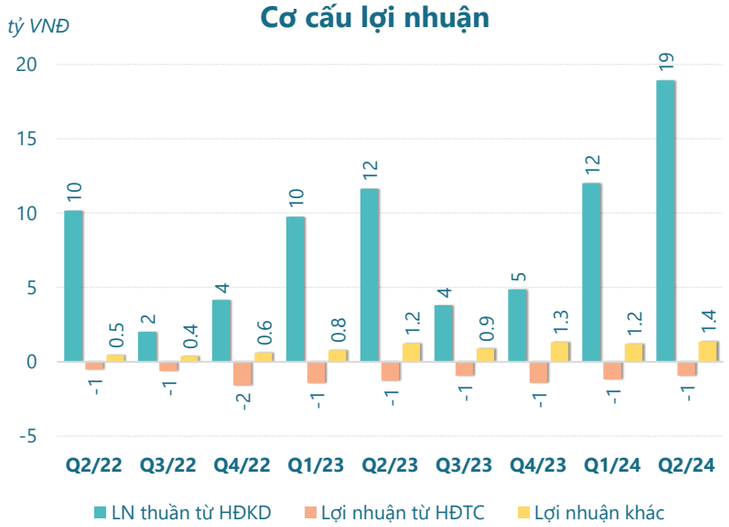

Cơ cấu chi phí

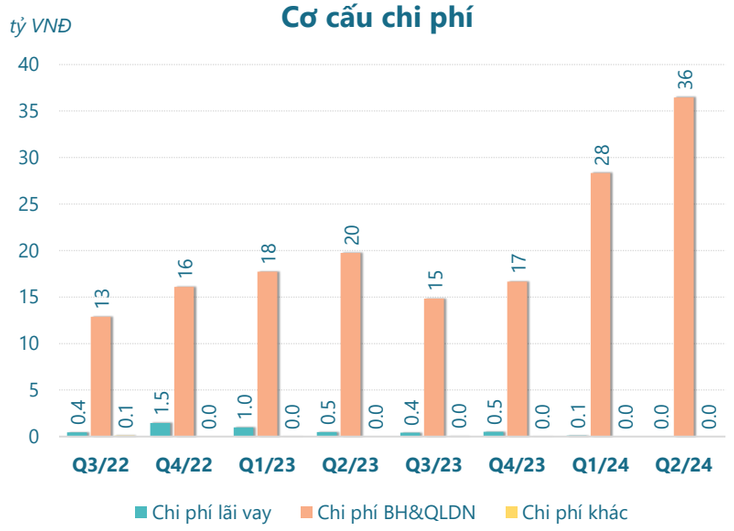

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **36.46 tỷ đồng** tăng thêm 28.7% so với kỳ trước và cao hơn 84.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Phân lân Ninh Bình (HNX: NFC)

FireAnt
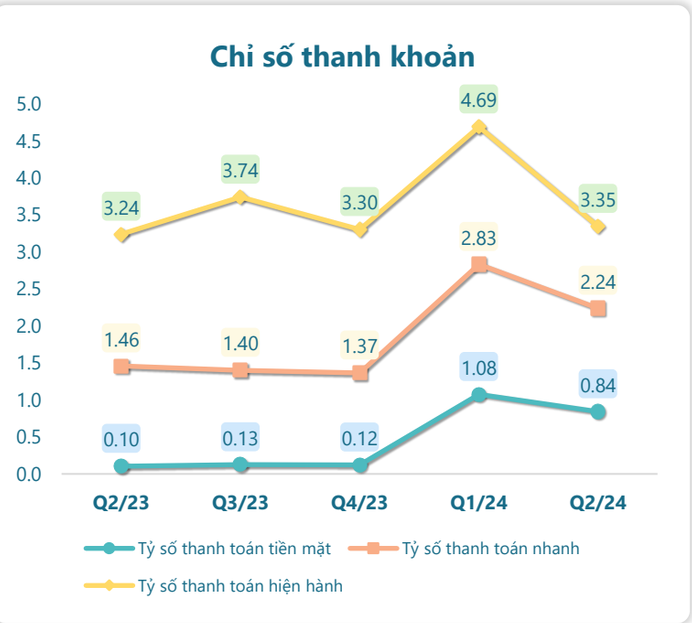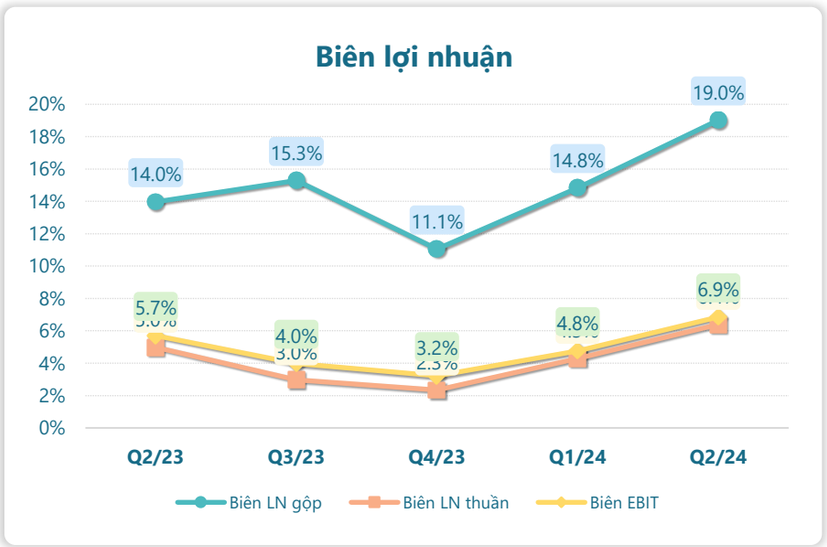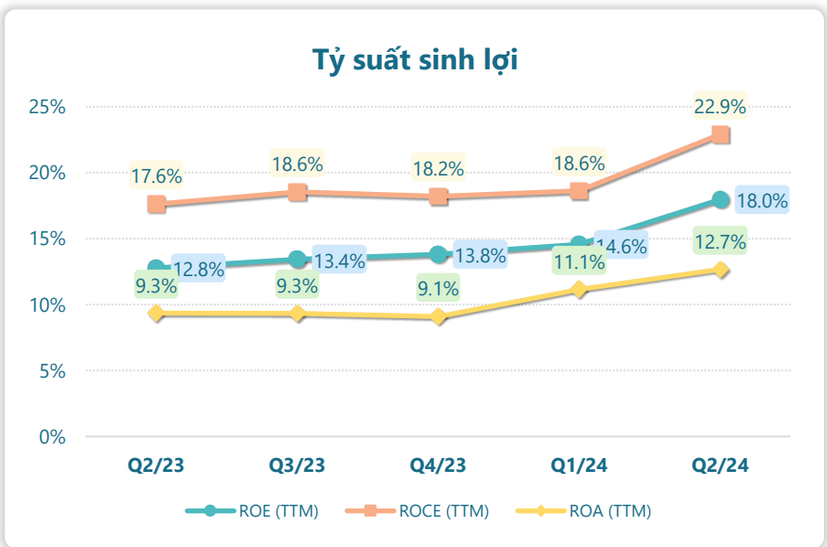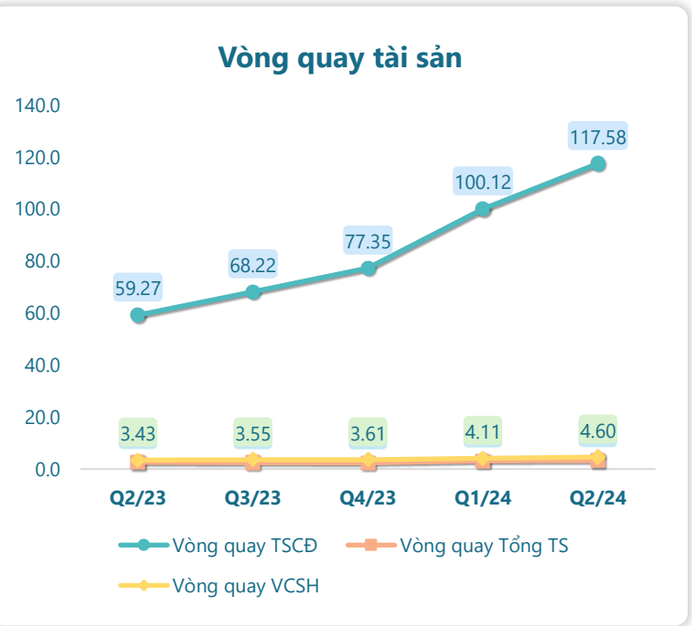
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**296**	**280**	**5.8%**	**234**	**26.6%**	**576**	**391**	**47.4%**
Giá vốn hàng bán	240	238	0.8%	201	19.3%	478	329	45.2%
Lợi nhuận gộp	56.3	41.5	35.8%	32.7	72.3%	97.9	61.6	58.9%
Doanh thu HĐTC	0.29	0.12	146%	0.05	490%	0.41	0.05	693%
Chi phí TC	1.24	1.29	-3.7%	1.32	-5.8%	2.54	2.76	-8.1%
Chi phí lãi vay	0	0.11	-100%	0.47	-100%	0.11	1.47	-92.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	24.5	19.0	29.1%	12.5	96.2%	43.5	22.5	93.8%
Chi phí QLDN	**11.9**	**9.34**	**27.8%**	**7.25**	**64.6%**	**21.3**	**15.0**	**41.6%**
LN thuần từ HĐKD	18.9	12.0	57.8%	11.6	63.2%	30.9	21.4	44.7%
Lợi nhuận khác	**1.36**	**1.21**	**12.6%**	**1.23**	**10.8%**	**2.57**	**2.01**	**27.5%**
LN trước thuế	20.3	13.2	53.8%	12.9	57.3%	33.5	23.4	43.2%
Lợi nhuận sau thuế	**16.1**	**10.4**	**54.6%**	**10.5**	**53.1%**	**26.5**	**18.7**	**41.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.1**	**10.4**	**54.6%**	**10.5**	**53.1%**	**26.5**	**18.7**	**41.9%**